

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thu
2. Ông Nguyễn Văn Trò

-Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải- Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2019 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX-ST ngày 02/8/2019, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C** - sinh năm 1970; cư trú tại: Khu 02, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2-Bị đơn: Anh **Trịnh Văn T** - sinh năm 1967; cư trú tại: khu 02, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Trịnh Văn T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 11/11/1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh T được khoảng 02 năm thì làm nhà ra ở riêng tại khu 02, xã C. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận

hạnh phúc đến năm 1992 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên chơi lô, đề dẫn tới nợ nần nhiều. Mặc dù chị C đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Năm 2004, chị C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và nhiều lần phải gửi tiền về trả nợ cho anh T. Năm 2009, chị C hết hạn hợp đồng và về Việt Nam thì thấy anh T không thay đổi và còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ khoảng tháng 9/2013 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trịnh Văn T.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2019 và quá trình giải quyết, bị đơn là anh Trịnh Văn T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị C trình bày là đúng. Theo anh T, tình cảm vợ chồng bị phai nhạt do xa nhau chứ vợ chồng không có mâu thuẫn. Khi chị C có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, lúc đầu anh T không đồng ý ly hôn với lý do anh vẫn còn tình cảm với chị C và vì con chung. Sau đó anh T lại đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Minh Q - sinh ngày 26/02/1989, Trịnh Quốc Đ - sinh ngày 26/5/1991. Các con chung đều đã kết hôn và ở riêng. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, xác định:

Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Trịnh Văn T.

2- Về án phí: Chị Nguyễn Thị C chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trịnh Văn T đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tình cảm vợ chồng không còn do xa cách nhau lâu. Từ khoảng tháng 9/2013 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Chanh yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để tránh sự giàng buộc không có lợi cho cả hai bên.

[2]. Về con chung: Con chung đều đã thành niên và các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Do các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Trịnh Văn T.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003261, ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Văn Thắng